

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN IA GRAI  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 17 tháng 11 năm 2021  
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Nga và ông Nguyễn Như Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 73/2021/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978, nơi cư trú: Ấp, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn 3, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 04/5/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn H chung sống với nhau từ năm 2007, đến năm 2011 đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49/2011 ngày 27/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế gia đình. Từ năm 2011, anh H chuyển về sinh sống tại thôn 3, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai, không còn thường xuyên gặp nhau nữa. Chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh H có con chung là cháu Nguyễn Bùi Tấn H1 (tên gọi khác Bùi Nguyễn Tấn H1), sinh ngày 27/9/2007, hiện đang chung sống với anh H. Chị H yêu cầu giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

- *Ý kiến của bị đơn là anh Bùi Văn H:* Anh H thừa nhận về quan hệ hôn nhân và con chung đúng như chị H đã trình bày. Từ năm 2011, giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau vì kinh tế gia đình và anh H đã chuyển về sinh sống tại huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Anh H nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Ý kiến của cháu Bùi Nguyễn Tấn H1:* Có nguyện vọng được chung sống với anh H.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Chị H và anh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của H: Theo lời trình bày của các đương sự, có căn cứ xác định giữa chị H và anh H có phát sinh mâu thuẫn hôn nhân, cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2011. Xét trong quan hệ hôn nhân, chị H và anh H phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau trong một khoảng thời gian dài, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, cùng chia sẻ, thực hiện công việc chung của gia đình, cả hai đều yêu cầu được ly hôn. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị H và anh H đã trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại các điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh H đều có ý kiến anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, phù hợp với nguyện vọng của con và xét anh H đủ khả năng trực tiếp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và ý kiến của anh H về việc anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1.

[5] Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tuy nhiên phải tôn trọng, không được lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con khi một trong hai bên không còn đủ điều kiện nuôi con theo quy định tại Điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Anh Bùi Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Nguyễn Tấn H1, cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi anh Bùi Văn H không còn đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0011942 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Ia Yok;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký tên, đóng dấu)  
**Nguyễn Văn Huy**

